

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023 cho các cơ quan, đơn vị khối tỉnh và các huyện kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách và nhiệm vụ phát sinh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 1966/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;*

*Căn cứ Quyết định số 995/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc chuyển nguồn kinh phí ngân sách cấp tỉnh năm 2022 sang năm 2023;*

*Căn cứ Quyết định số 999/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023 cho các cơ quan, đơn vị, các huyện kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh và bổ sung nguồn ngân sách cấp tỉnh năm 2023;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 178/TTr-STC ngày 25/9/2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023 cho các cơ quan, đơn vị khối tỉnh và các huyện kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách và nhiệm vụ phát sinh với tổng số tiền là 36.865 triệu đồng (*Ba mươi sáu tỷ, tám trăm sáu mươi lăm triệu đồng*), chi tiết các cơ quan, đơn vị, các huyện được bổ sung dự toán và nguồn kinh phí bổ sung tại Biểu kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện được giao bổ sung dự toán tại Điều 1 có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đảm bảo đúng mục đích, hiệu quả và thực hiện thanh, quyết toán kinh phí theo quy định.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị thực hiện theo quy định.

**Điều 3.** Sở Tài chính chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về tính đúng đắn, chính xác của số liệu và nội dung nhiệm vụ chi tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Lạng Sơn, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện được bổ sung dự toán tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCVP UBND tỉnh, các phòng CM, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT(MTH).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Hồ Tiên Thiệu**

**BIỂU GIAO BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023 CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ KHỐI TỈNH VÀ CÁC HUYỆN  
KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ VÀ NHIỆM VỤ PHÁT SINH**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)*

*DVT: triệu đồng*

TT	Cơ quan, đơn vị, huyện/nguồn kinh phí	Số tiền bổ sung	Nội dung chi	Ghi chú
A	B	1	2	3
<b>A</b>	<b>TỔNG SỐ KINH PHÍ BỔ SUNG (I+II)</b>	<b>36.865,0</b>		
<b>I</b>	<b>KHỐI TỈNH</b>	<b>36.228,0</b>		
1	Sở Tài chính	385,0	Kinh phí liên quan đến việc “Mua sắm tập trung xe ô tô cho các cơ quan, đơn vị năm 2023”: 182 triệu đồng; kinh phí thực hiện tiếp nhận và tiêu hủy tài sản vụ án thuốc bắc, hoa quả khô: 203 triệu đồng	
2	Tỉnh đoàn Lạng Sơn	410,0	Kinh phí thực hiện các hoạt động chuyên môn phát sinh: 390 triệu đồng; kinh phí mua sắm máy photocopy: 20 triệu đồng	Nguồn chi khác ngân sách tỉnh năm 2023
3	Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn	469,0	Kinh phí tổ chức Đoàn công tác của tỉnh sang hội đàm về công tác xây dựng thí điểm cửa khẩu thông minh và khảo sát thực địa các cửa khẩu thông minh tại Trung Quốc	
4	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	4.847,0		
-	Văn phòng Sở	71,0	Kinh phí đón tiếp và làm việc với Đoàn công tác của Ban Thường vụ Trung ương Hội Người cao tuổi: 14 triệu đồng; kinh phí tặng quà đối tượng hộ nghèo nhân dịp Kỷ niệm 76 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ: 11 triệu đồng; kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật: 46 triệu đồng	Nguồn chi khác ngân sách tỉnh năm 2023
-	Cơ sở Bảo trợ xã hội tổng hợp	35,0	Kinh phí phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 06/4/2016 của Chính phủ	Kinh phí biến động tiền lương ngân sách tỉnh
-	Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh	4.741,0	Kinh phí may trang phục cho viên chức và người lao động: 471 triệu đồng; kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ cai nghiện ma túy bắt buộc theo Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh: 4.270 triệu đồng	Nguồn chi khác ngân sách tỉnh năm 2023
5	Văn phòng Tỉnh uỷ	1.069,0	Tiền công 9 hợp đồng lao động được giao theo Quyết định số 1331-QĐ/TU ngày 26/7/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ: 212 triệu đồng; kinh phí tổ chức Hội thi Bí thư chi bộ giỏi cấp tỉnh năm 2023: 484 triệu đồng; tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp và chi khác 03 biên chế được giao theo Quyết định số 1310-QĐ/TU ngày 04/7/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ: 373 triệu đồng	Chi khác ngân sách tỉnh: 696 triệu đồng; kinh phí biến động tiền lương ngân sách tỉnh: 373 triệu đồng;
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	66,0	Lương hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ	

TT	Cơ quan, đơn vị, huyện/nguồn kinh phí	Số tiền bổ sung	Nội dung chi	Ghi chú
A	B	1	2	3
7	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	995,0	Kinh phí thu gom rác và công tác vệ sinh môi trường tại Khu du lịch Mẫu Sơn: 100 triệu đồng; kinh phí thuê chuyên gia tư vấn xây dựng, đánh giá, hoàn chỉnh Hồ sơ và triển khai công tác chuẩn bị đón Đoàn thẩm định của UNESCO năm 2023: 580 triệu đồng; kinh phí trưng bày Chuyên đề 90 năm ngày truyền thống Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn tại sảnh hội trường Tỉnh uỷ và công tác trang trí tuyên truyền: 215 triệu đồng; kinh phí mua trang thiết bị làm việc phòng Giám đốc, Phó Giám đốc Sở: 100 triệu đồng.	Nguồn chi khác ngân sách tỉnh năm 2023
8	Sở Thông tin và Truyền thông	92,0	Kinh phí hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2023	
9	Văn phòng UBND tỉnh	53,0	Kinh phí hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2023	
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	3.419,0	Kinh phí tổ chức các lớp tập huấn bồi dưỡng, hội nghị, hội thảo phát sinh trong năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo: 2.639 triệu đồng; kinh phí hỗ trợ hoạt động chuyên môn Trường THPT Chuyên Chu Văn An: 480 triệu đồng; kinh phí sửa chữa trụ sở Sở Giáo dục và Đào tạo: 300 triệu đồng	Chi khác sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề năm 2023
11	Sở Tài nguyên và Môi trường	4.442,0	Kinh phí thay thế vật tư tiêu hao, bảo trì, sửa chữa, kiểm định, hiệu chuẩn, lắp đặt bổ sung các thiết bị đo thông số quan trắc còn thiếu và kinh phí vận hành 04 trạm quan trắc môi trường năm 2023.	Nguồn chi khác ngân sách tỉnh năm 2023
12	Sở Xây dựng	32,0	Kinh phí tổ chức Hội nghị tập huấn phổ biến, tuyên truyền nội dung Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ.	
13	Ban An toàn giao thông tỉnh	3.600,0	Kinh phí thực hiện các công trình xử lý điểm tiềm ẩn mất an toàn giao thông các tuyến đường tỉnh do địa phương quản lý	
14	Hội Đông y	30,0	Kinh phí nâng bậc lương thường xuyên Phó Chủ tịch Hội: 10 triệu đồng; mua 01 máy vi tính, 01 máy in để sử dụng phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, công chức: 20 triệu đồng.	Kinh phí biến động tiền lương ngân sách tỉnh: 10 triệu đồng, chi khác ngân sách: 20 triệu đồng
15	Bảo hiểm xã hội tỉnh	6.346,0	Kinh phí truy thu bảo hiểm y tế trẻ em dưới 6 tuổi năm 2015, 2016	Nguồn CCTL chuyển nguồn năm 2022 sang năm 2023

TT	Cơ quan, đơn vị, huyện/nguồn kinh phí	Số tiền bổ sung	Nội dung chi	Ghi chú
A	B	1	2	3
16	Sở Giao thông vận tải	7.046,0	Sửa chữa, khắc phục bước 1 do ảnh hưởng của các đợt mưa từ ngày 15/6/2022 đến ngày 08/7/2022 đối với công trình đường Khuổi Lào - Yên Lỗ, huyện Bình Gia thuộc dự án Đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (dự án LRAMP): 1.054 triệu đồng; khắc phục hậu quả thiên tai, ĐBGT bước 1 do ảnh hưởng của cơn mưa kéo dài từ ngày 18/02/2022 đến ngày 21/02/2022 trên tuyến đường tỉnh ĐT.231, ĐT.226, ĐT.233: 386,3 triệu đồng; khắc phục hậu quả thiên tai, ĐBGT bước 1 do ảnh hưởng của cơn mưa có cường độ lớn từ đêm ngày 09/5/2022 đến ngày 10/5/2022 trên các tuyến đường tỉnh ĐT.241, ĐT.248, ĐT.250: 708,5 triệu đồng; khắc phục hậu quả thiên tai, ĐBGT bước 1 do ảnh hưởng của cơn mưa có cường độ lớn từ đêm ngày 09/5/2022 đến ngày 10/5/2022 trên tuyến đường tỉnh ĐT.248 huyện Lộc Bình: 1.794,3 triệu đồng; khắc phục hậu quả thiên tai, ĐBGT bước 1 do ảnh hưởng của cơn mưa có cường độ lớn từ đêm ngày 09/5/2022 đến ngày 10/5/2022 trên các tuyến đường tỉnh ĐT.226, ĐT.227, ĐT.231, ĐT.232, ĐT.233, ĐT.239: 1.891,6 triệu đồng; khắc phục hậu quả thiên tai, ĐBGT bước 1 do ảnh hưởng của cơn bão số 2 (từ ngày 10/8/2022 đến ngày 12/8/2022 trên các tuyến đường tỉnh ĐT.226, ĐT.227, ĐT.231, ĐT.239: 977,2 triệu đồng; khắc phục hậu quả thiên tai, ĐBGT bước 1 do ảnh hưởng của cơn bão số 3 (từ đêm ngày 25/8/2022) trên các tuyến đường tỉnh ĐT.235, ĐT.246: 124 triệu đồng; khắc phục hậu quả thiên tai, ĐBGT bước 1 do ảnh hưởng của cơn bão số 2 (từ đêm ngày 10/8/2022 đến ngày 12/8/2022) trên các tuyến đường tỉnh ĐT.234, ĐT.238, ĐT.243: 39 triệu đồng; khắc phục hậu quả thiên tai, ĐBGT bước 1 do ảnh hưởng của cơn bão số 3 trên các tuyến đường tuần tra biên giới Bản Chát-Chi Ma, Bản Mạ-Bản Chát, Bắc Xa-Bản Mạ: 71,1 triệu đồng	Nguồn dự phòng ngân sách tỉnh năm 2023
17	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	2.927,0	Kinh phí giải phóng mặt bằng dự án Đầu tư xây dựng thao trường huấn luyện kỹ thuật chiến đấu của Tiểu đoàn BB1, e123	
<b>II</b>	<b>KHỐI HUYỆN</b>	<b>637,0</b>		
1	Huyện Lộc Bình	75,0	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ Nhân dân tham gia các hoạt động quản lý, bảo vệ biên giới theo Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh.	Nguồn ngân sách tỉnh chi chế độ chính sách của tỉnh tại Quyết định số 999/QĐ-UBND
2	Huyện Chi Lăng	562,0	Kinh phí hỗ trợ lãi suất tín dụng quý II năm 2023 theo Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND và Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh	Nguồn chi khác ngân sách tỉnh 2023

<b>TT</b>	<b>Cơ quan, đơn vị, huyện/nguồn kinh phí</b>	<b>Số tiền bổ sung</b>	<b>Nội dung chi</b>	<b>Ghi chú</b>
A	B	1	2	3
<b>B</b>	<b>NGUỒN KINH PHÍ BỔ SUNG</b>	<b>36.865,0</b>		
<b>I</b>	<b>Nguồn kinh phí giao tại Quyết định số 1966/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh</b>	<b>30.444,0</b>		
1	Nguồn chi khác sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề (tại điểm 2.3, khoản 2, mục I, phần B, Biểu số 2)	3.419,0		
2	Nguồn kinh phí biến động tiền lương và chế độ chính sách (điểm 2.15, khoản 2, mục I, phần B, Biểu số 2)	418,0		
3	Nguồn kinh phí chi khác ngân sách tỉnh (tại điểm 2.16, khoản 2, mục I, phần B, Biểu số 2)	16.634,0		
-	Chi khác ngân sách	11.600,0		
-	Chi chế độ chính sách, chương trình, đề án, kế hoạch của tỉnh	5.034,0		
4	Nguồn dự phòng ngân sách tỉnh (tại khoản 4, mục I, phần B, Biểu số 2)	9.973,0		
<b>II</b>	<b>Nguồn kinh phí tại Quyết định số 995/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 của UBND tỉnh (chuyển nguồn năm 2022 sang 2023)</b>	<b>6.346,0</b>		
1	Nguồn kinh phí thực hiện chính sách tiền lương (tại mục A, Biểu kèm theo)	6.346,0		
<b>III</b>	<b>Nguồn kinh phí tại Quyết định số 999/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 của UBND tỉnh</b>	<b>75,0</b>		
1	Kinh phí chi các chính sách an sinh xã hội, thực hiện các chế độ, chính sách, chương trình, đề án, kế hoạch do tỉnh ban hành và các nhiệm vụ khác của tỉnh (tại mục 5, phần B, Biểu kèm theo)	75,0		